

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2020

V/v Không công nhận quan
hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 104, ấp Bến C, xã Phú Hoà Đ, huyện C, Thành phố H; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Bạch H, sinh năm 1960; địa chỉ: CLô A Chung cư T, Khu phố M, phường P, Quận X, Thành phố H; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào khoản năm 1987, bà có quen biết ông Huỳnh Bạch H, hai bên phát sinh tình cảm và chung sống có một đứa con chung, khi quen biết ông H bà không biết ông H đã có vợ con, đến khi bà sinh con thì vợ ông H có tìm đến gặp bà, kể từ đó, bà không còn qua lại với ông H, một mình nuôi con cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Huỳnh Bạch H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 01 (một) con chung là Huỳnh Thị Phương Linh (nữ), sinh ngày 02/12/1989 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Bạch H trình bày:

Trước khi chung sống với bà H, ông đã có vợ con, có đăng ký kết hôn, nhưng vào khoảng năm 1987 do xảy ra mâu thuẫn với vợ của ông nên ông bỏ ra ngoài đi làm ăn không về nhà, gian đó ông gặp và quen biết với bà H, chung sống có một đứa con. Sau đó, vợ ông biết đi tìm nên ông quay về, từ đó ông và bà H không giữ liên lạc, không qua lại với nhau.

Ông H cũng thống nhất với bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà H có 01 (một) con chung là Huỳnh Thị Phương L, sinh ngày 02/12/1989 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Ông H xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông H xác định không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H chung sống khoảng vào năm 1987 không đăng ký kết hôn, bà H khởi kiện yêu cầu không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Bị đơn cư trú tại Quận 7 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Huỳnh Bạch H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H, ông H theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H chung sống với nhau vào khoảng năm 1987 đến năm 1989 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi chung sống với bà H, ông H có gia đình nhưng không cho bà H biết, sau khi bà H biết ông H có gia đình thì hai bên không còn liên lạc và qua lại với nhau. Nay cả bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H là quan hệ vợ chồng, ông H cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông bà là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H cùng xác định ông bà có 01 (một) người con chung tên là Huỳnh Thị Phương Linh (nữ), sinh ngày 02/12/1989. Hiện Huỳnh Thị Phương Linh đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét

[4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H cùng xác định không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H cùng xác định không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Xét đơn xin miễn nộp án phí ngày 11 tháng 02 năm 2020, bà H yêu cầu được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì bà H được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H có 01 (một) con chung tên là Huỳnh Thị Phương L (nữ), sinh ngày 02/12/1989, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H không có tài sản chung,

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Bạch H không có nợ chung.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Duyên)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Phơ